

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MINH HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2021/HNGĐ- ST
Ngày: 21/5/2021
“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Quốc Hoàn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Trương Ngọc Nhân

Ông: Đinh Ngọc Tân

- Thư ký phiên toà: Ông Cao Lương Bằng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà: Ông Tô Hoài – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2021/TLST - HNGĐ ngày 03/11/2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/4/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Cao Thị T – sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn Tiên Ph, xã Trung H, huyện Minh H, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Đinh Quốc D – sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn Tiên Ph, xã Trung H, huyện Minh H, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình

Người đại diện theo ủy quyền: ông Hồ Hải Dương – Phó giám đốc.

Địa chỉ: Tiểu khu 1, thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh huyện Minh Hóa, Bắc Quảng Bình

Địa chỉ: Tiểu khu 7, TT Quy Đạt, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn Huy – Cán bộ tín dụng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29/9/2020 và biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải của nguyên đơn Cao Thị T trình bày giữa chị và anh Đinh Quốc D đã đăng ký kết hôn năm 1993 tại UBND xã Trung Hóa trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và đã sinh được 07 người con. Sau đó hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, anh D đánh đập chị T tình gây mất đoàn kết gia đình, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy chị T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Con chung của vợ chồng: Hai vợ chồng có 07 người con chung, hiện nay 04 cháu đã trưởng thành lập gia đình riêng, còn 03 cháu dưới 18 tuổi là cháu Đinh Thị Thị L, sinh ngày 18/8/2004; cháu Đinh Thị Hương Gi, sinh ngày 23/9/2011 và cháu Đinh Thị Bảo Tr, sinh ngày 24/3/2014. Sau khi ly hôn nguyện vọng của chị T là được nuôi dưỡng các con vì các con có nguyện vọng ở với chị và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

Tài sản chung: Có 02 thửa đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; một ngôi nhà gỗ bao tường trị giá 150 đồng và nhà bếp các công trình phụ một chiếc xe máy và 02 cái tủ. Chị yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật để chị được ở ngôi nhà nuôi các con.

Khoản vay chung: Vay ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa số tiền 50.000.000 đồng và vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT huyện Minh Hóa số tiền 70 triệu đồng và lãi phát sinh. Nếu ly hôn chị T yêu cầu giải quyết theo pháp luật.

Tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay anh D trình bày: Quá trình tìm hiểu để đi đến kết hôn anh nhất trí như ý kiến trình bày của chị T, nhưng anh D đang còn tình cảm với vợ và không muốn bỏ các con nên anh D không nhất ly hôn.

Tài sản chung: anh D nhất trí có các tài sản chung như chị T kê khai tuy nhiên anh không ly hôn vợ nên không có ý kiến về tài sản chung.

Khoản vay chung: Anh D nhất trí như ý kiến của chị T nhưng anh không có ý kiến gì vì anh không muốn ly hôn vợ.

Phần trình bày của đại diện Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa: Hộ gia đình anh D và chị T vay vốn tại ngân hàng số tiền 50 triệu đồng, số tiền lãi đến

thời điểm xét xử là 2.536.000 đồng, tại sổ vay MKH300087362 vay ngày 09/02/2020. Nếu anh chị T và anh D ly hôn Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc nếu ai được sở hữu nhà đất và tài sản thì buộc người đó trả tiền vay cả gốc và lãi cho Ngân hàng để đảm bảo việc thu hồi nguồn vốn cho Nhà nước.

Phần trình bày của đại diện Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Minh Hóa: Hộ gia đình anh D và chị T vay vốn tại ngân hàng số tiền 70 triệu đồng, số tiền lãi đến thời điểm xét xử là 6.125.000 đồng, tại sổ vay MKH3806258465975 vay ngày 30/9/2016. Nếu anh chị T và anh D ly hôn Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc nếu ai được sở hữu đất ở, đất rừng thì buộc người đó trả tiền vay cả gốc và lãi cho Ngân hàng để đảm bảo việc thu hồi nguồn vốn cho Nhà nước.

Đại diện VKSND huyện Minh Hóa phát biểu ý kiến về tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký và những người tham gia tố tụng và đưa ra quan điểm xét xử đối với vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận để xem xét, quyết định nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa đã tiến hành hòa giải nhiều lần, phân tích những mâu thuẫn của vợ chồng để mỗi bên tự khắc phục sửa chữa cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng không có kết quả. Tại phiên tòa hôm nay chị Định và anh Mai một mực xin được ly hôn vì tình cảm vợ chồng thực sự không còn nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Cao Thị Tình và anh Đinh Quốc D đã đăng ký kết hôn năm 1993 tại Ủy ban nhân dân xã Trung Hóa, huyện Minh Hóa trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nhưng do anh chị không thông cảm cho nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh D đánh đập chị Tình mà cao điểm là một lần lấy dao ném vào chân chị T làm chị Tình đứt gân chân. Mâu thuẫn kéo dài mà hai bên không khắc phục được dẫn đến ngày càng trầm trọng. Về phía anh D một mực không muốn ly hôn với vợ, tuy nhiên vợ và các con không sống được với anh D nữa, hiện nay chị T và anh D sống ly thân với nhau nên chị T một mực xin ly hôn. Xét thấy nguyện vọng của chị Tình là hoàn toàn chính đáng vì đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận xử cho chị T được ly hôn với anh D là thỏa đáng. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Tình được ly hôn với anh D là hoàn toàn có căn cứ.

[2] Về con chung: Chị T và anh D đều có đủ khả năng để trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chị Tình tôn trọng nguyện vọng của các con, anh D không muốn xa các con nên không có ý kiến gì. Nguyện vọng của các con không ở được với bố vì bố uống rượu về hay quậy phá nên các con đều có nguyện vọng ở với chị Tình và hiện nay các con đang ở với chị. Xét thấy trong giấy nguyện vọng của các cháu viết cung cấp tại tòa án thể hiện các cháu có nguyện vọng ở với mẹ. Xét thấy nguyện vọng của các cháu là chính đáng vì hiện nay các cháu đang ở với chị Tình nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình xử giao chị Cao Thị Tình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Đinh Thị Thị L, sinh ngày 18/8/2004; cháu Đinh Thị Hương Gi, sinh ngày 23/9/2011 và cháu Đinh Thị Bảo t, sinh ngày 24/3/2014. Về tiền cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu cấp dưỡng còn mà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Về phía anh Danh anh không muốn ly hôn nên không có ý kiến về con chung. Xét thấy các con đều có nguyện vọng ở với mẹ, xét thấy chị T hiện nay không có việc làm ổn định, một mình nuôi các con nhỏ, để đảm bảo quyền lợi cho các con và đảm bảo cho các cháu phát triển bình thường hội đồng xét xử buộc anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1 triệu đồng một tháng cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi là hợp lý.

[3] Về tài sản chung: Giữa chị T và anh D đã thống nhất được các tài sản chung mà hai vợ chồng tạo lập nên. Tuy nhiên qua các lần hòa giải anh Danh và chị Tình chỉ thống nhất được giá trị của ngôi nhà chính trị giá 150 triệu đồng còn một số tài sản liên quan khác không thống nhất được giá trị vì anh D không muốn ly hôn vợ nên không có ý kiến về tài sản.

- Ngày 28/12/2020 Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ đã tiến hành xem xét thẩm định các tài sản kết quả như sau:

+ Thừa đất thứ nhất: Thừa đất số 40 tờ bản đồ số 29, diện tích 1093m², địa chỉ: Thôn Tiên phong xã Trung Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình có tứ cận như sau: Cạnh phía Bắc giáp nhà văn hóa thôn Tiên phong dài 40.9m; Cạnh phía Đông giáp đường liên thôn dài 26 m; cạnh phía Nam giáp đường ngõ xóm dài 43,7 m; cạnh phía Tây giáp giáp nhà ông Cao Xuân Gi dài 25.9 m. Tổng diện tích thừa đất 1093m².

Trên thừa đất có một gôi nhà sườn gỗ, phòng lòi mái lợp ngói, móng tường xây đá học, tường bao che bằng gạch, tô trát hoàn chỉnh; 01 nhà vệ sinh; 01 nhà bếp lợp tôn, tường xây gạch; 01 giếng nước; 01 đoạn hàng rào xây bằng gạch; 01 đoạn hàng rào dây kẽm gai; Sân bê tông.

- Thừa đất thứ 2: Thừa đất lâm nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 103; 117 tờ bản đồ số 45 bản đồ địa chính xã Trung Hóa có tứ cận như sau: Cạnh phía Bắc giáp đất bà Cao Thị L dài 324,5m; cạnh phía Nam giáp đất ông Cao Vũ Q dài 328,5m; cạnh phía Đông giáp lèn đá vôi dài 16,9m; cạnh phía Tây giáp đất ông Cao Xuân Hồng và đất ông Thái Văn Nh dài 15,5 m. Hiện trạng thửa đất là đất chưa được khai thác, sản xuất.

Hội đồng xét xử xác định các tài sản chung của chị Tình anh D gồm các tài sản chung sau:

- Thửa đất có diện tích 1093m² tại thôn Tiền phong, xã Trung hóa, huyện Minh Hóa: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số IA 597736, Thửa đất số 40 tờ bản đồ số 29, diện tích 1093m², địa chỉ: Thôn Tiền phong xã Trung Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình có giá trị tại thời điểm là 28.260.000 đồng.

- Thửa đất thửa số 103; 117 tờ bản đồ số 45 bản đồ địa chính xã Trung Hóa có giá trị tại thời điểm là 19.570.000 đồng.

- Một ngôi nhà sườn gỗ, phòng lõi mái lợp ngói, móng tường xây đá học, tường bao che bằng gạch, tô trát hoàn chỉnh trị giá 150.000.000 đồng.

- Nhà bếp trị giá 2.900.000 đồng

- Sân bê tông diện tích 188,52 m² trị giá 12.030.000 đồng.

- 01 giếng nước thả bi bê tông sâu 9,5m trị giá 16.064.000 đồng;

- Hàng rào: gồm hàng rào xây bằng gạch, móng đá học, cao 1,36 m, dài 27,5 m có trị giá 22.307.000 đồng; hàng rào xây bằng gạch, móng đá học, cao 0,9 m, dài 23,2 m có trị giá 9.407.000 đồng; hàng rào dây kẽm gai dài 83,1m trị giá 4.609.000 đồng.

- Nhà vệ sinh trị giá 1.288.000 đồng;

- 01 tủ bích phê gỗ trị giá 4.375.000 đồng;

- 01 tủ nhôm kính đứng trị giá 3.653.000 đồng.

- 01 xe máy nhãn hiệu SRIUS Biển kiểm soát 73C1 – 02632 trị giá 7.000.000 đồng

Tổng tất cả giá trị tài sản chung của hai vợ chồng là: **273.954.000 đồng.**

Hội đồng xét xử phân chia tài sản chung như sau:

Giao cho chị T được quyền sử dụng 748m² diện tích đất thuộc thửa đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số IA 597736, thửa đất số 40, tờ bản đồ số 29 địa chỉ thôn Tiền phong, xã Trung Hóa, huyện Minh Hóa. Trong đó gồm 300m² đất ở trị giá 10.800.000 đồng và 448 m² đất trồng cây lâu năm có giá trị 8.960.000 đồng, tổng giá trị 19.760.000 đồng. Tứ cận thửa đất được giao cho chị Tình như sau: Cạnh phía Bắc giáp nhà văn hóa thôn Tiền phong (nay quy hoạch đường giao thông liên thôn) dài 40,9m; Cạnh phía Đông giáp đường liên thôn dài 18,3 m; cạnh phía Nam giáp diện tích đất được chia cho anh Danh dài 42,87 m; cạnh phía Tây giáp giáp nhà ông Cao Xuân Giảo dài 17.9 m. Tổng diện tích thửa đất chia cho chị Tình là 748m².

Chị T được sở hữu 01 ngôi nhà sườn gỗ, phòng lõi mái lợp ngói, móng tường xây đá học, tường bao che bằng gạch, tô trát hoàn chỉnh trị giá 150.000.000 đồng; 01 ngôi nhà bếp trị giá 2.900.000 đồng; 01 giếng nước trị giá

16.064.000 đồng; Sân bê tông diện tích 188,52 m² trị giá 12.030.000 đồng; 01 Nhà vệ sinh trị giá 1.288.000 đồng; Giao cho chị Tình sở hữu 19,5m hàng rào xây bằng gạch, móng đá học, cao 1,36 m trị giá 15.814.000 đồng; 23,2m hàng rào xây bằng gạch, móng đá học, cao 0,9m trị giá 9.409.000 đồng và 39,4 m hàng rào dây thép gai dài trị giá 2.185.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản chị T được hưởng là: 229.450.000 đồng.

Giao cho anh D được quyền sử dụng thửa đất: có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 284823, thửa đất số 103;117, tờ bản đồ số 45, có tứ cận như sau: Cạnh phía Bắc giáp đất bà Cao Thị Lý dài 324,5m; cạnh phía Nam giáp đất ông Cao Vũ Quang dài 328,5m; cạnh phía Đông giáp lèn đá vôi dài 16,9m; cạnh phía Tây giáp đất ông Cao Xuân Hồng và đất ông Thái Văn Nhung dài 15,5 m. Giá trị thửa đất tại thời điểm định giá là 19.570.000 đồng.

Giao cho anh D được quyền sử dụng 345m² diện tích đất thuộc thửa đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số IA 597736, thửa đất số 40, tờ bản đồ số 29 địa chỉ thôn Tiên phong, xã Trung Hóa, huyện Minh Hóa. Trong đó gồm 100m² đất ở trị giá 3.600.000 đồng và 245 m² đất trồng cây lâu năm có giá trị 4.900.000 đồng, tổng giá trị 8.500.000 đồng. Tứ cận thửa đất được giao cho anh D như sau: Cạnh phía Bắc giáp thửa đất được chia cho anh chị T dài 42,87m; Cạnh phía Đông giáp đường liên thôn dài 08 m; cạnh phía Nam giáp đường ngõ xóm dài 43,7 m; cạnh phía Tây giáp nhà ông Cao Xuân Giáo dài 17.9 m. Tổng diện tích thửa đất chia cho anh D là 345m².

Anh D được sở hữu: 01 tủ nhôm kính đứng trị giá 3.653.000 đồng; 01 xe máy nhãn hiệu SRIUS Biển kiểm soát 73C1 – 02632 trị giá 7.000.000 đồng; 01 tủ bích phê gỗ trị giá 4.375.000 đồng

Anh D được sở hữu: 08m hàng rào xây bằng gạch, móng đá dài trị giá 6.488.000 đồng; 43,7m hàng rào dây thép gai dài trị giá 2.423.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản anh D được hưởng là: 52.009.000 đồng.

[4] Về khoản vay chung: Chị T và anh D thống nhất có khoản vay chung tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa số tiền 50 triệu đồng, số tiền lãi đến thời điểm xét xử là 2.536.000 đồng, tại sổ vay MKH300087362 vay ngày 09/02/2020 và khoản vay tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Minh Hóa số tiền 70 triệu đồng, số tiền lãi đến thời điểm xét xử là 6.125.000 đồng. Tại hợp đồng tín dụng MKH3806258465975 vay ngày 30/9/2016.

Hội đồng xét xử nhận định như sau: Cả hai khoản vay chung nói trên đều được anh D và chị T thừa nhận là khoản vay chung của hai vợ chồng nên anh D và chị T đều có trách nhiệm trả các món vay trên cho ngân hàng. Hội đồng xét xử phân chia trách nhiệm trả cả khoản vay như sau:

Giao chị T có trách nhiệm trả khoản vay tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa số tiền 50.000.000 đồng và lãi đến thời điểm xét xử là 2.536.000 đồng, tổng cả gốc và lãi là 52.536.000, tại sổ vay MKH300087362 vay ngày 09/02/2020.

Giao anh D có trách nhiệm trả khoản vay tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Minh Hóa số tiền 70.000.000 đồng, số tiền lãi đến thời điểm xét xử là 6.125.000 đồng, tổng cả gốc và lãi số tiền là 76.125.000 đồng. Tại hợp đồng tín dụng MKH3806258465975 vay ngày 30/9/2016.

Hội đồng xét xử xét thấy tổng số tiền chia tài sản chị T được hưởng là 229.450.000 đồng. Tổng số tài sản được chia cho anh D được hưởng là 52.009.000 đồng. Như vậy tổng số tài sản chia cho chị T hơn anh D số tiền là 177.441.000 đồng. Tuy nhiên xét về công sức đóng góp cho khối tài sản chung của hai vợ chồng, trong thời gian anh D đi làm thuê không gửi tiền về cho vợ con, một mình chị T cùng các con tạo dựng lên ngôi nhà và một số công trình khác và mua sắm các đồ dùng trong nhà, mặt khác hiện nay chị T bị đứt gân chân do anh D lấy dao ném nên khả năng lao động hạn chế, các con một mực ở với chị T và chị T có nguyện vọng nuôi con nên chị T được chia phần tài sản là 60% còn anh D được chia 40% trong số tiền 177.441.000 đồng là thỏa đáng. Như vậy chị T còn phải trả số tiền được phân chia tài sản chênh lệch lại cho anh D là: $177.441.000 \text{ đồng} \times 40\% = 70.976.000 \text{ đồng}$. Tổng số tài sản được chia cho chị T là 158.490.000 đồng. Tổng số tiền chia tài sản cho anh D là 122.985.000 đồng. Sau khi trừ đi nghĩa vụ phải trả cho ngân hàng tổng số tài sản chị T được hưởng là 108.490.000 đồng; tổng số tài sản anh D được hưởng là 46.860.000 đồng.

[4] Án phí:

Chị Cao Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn 300.000 đồng và án phí về nghĩa vụ phân chia tài sản chung là 5.718.652 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0004365 ngày 03/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa chị T còn phải chịu số tiền án phí là 5.718.652 đ (Năm triệu bảy trăm mười tám ngàn sáu trăm đồng). Anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ nuôi con theo đình kỳ số tiền là 300.000 đồng và án phí về nghĩa vụ phân chia tài sản chung là 2.343.000 đ (Hai triệu ba trăm bốn mươi ba ngàn đồng)

[5] Về chi phí tố tụng: Căn cứ khoản 3 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự chị T phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nhưng chị T đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng tại Tòa án và Hội đồng xét xử đã chi phí hợp lý hết khoản tiền tạm ứng chi phí tố tụng chị T đã nộp nên không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 157, 227, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 213, Điều 219; 468 Bộ luật Dân sự. Áp dụng Điều 27, 29, 33, 37, 38, 51, 55, 62, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Cao Thị T được ly hôn với anh Đinh Quốc D

2. Về con chung: Xử giao chị Cao Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Đinh Thị Thị L, sinh ngày 18/8/2004; cháu Đinh Thị Hương Gi, sinh ngày 23/9/2011 và cháu Đinh Thị Bảo tr, sinh ngày 24/3/2014. Anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu một tháng 1.000.000 đồng cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi. Việc cấp dưỡng kể từ tháng 6 năm 2021.

Không ai được ngăn cản việc đi lại chăm sóc con chung, khi cần thiết vì quyền lợi của con một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung:

Giao cho chị T được quyền sử dụng 748m² diện tích đất thuộc thửa đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số IA 597736, thửa đất số 40, tờ bản đồ số 29 địa chỉ thôn Tiền phong, xã Trung Hóa, huyện Minh Hóa. Trong đó gồm 300m² đất ở trị giá 10.800.000 đồng và 448 m² đất trồng cây lâu năm có giá trị 8.960.000 đồng, tổng giá trị 19.760.000 đồng. Tứ cận thửa đất được giao cho chị T như sau: Cạnh phía Bắc giáp nhà văn hóa thôn Tiền phong (nay quy hoạch đường giao thông liên thôn) dài 40,9m; Cạnh phía Đông giáp đường liên thôn dài 18,3 m; cạnh phía Nam giáp diện tích đất được chia cho anh D dài 42,87 m; cạnh phía Tây giáp giáp nhà ông Cao Xuân Giảo dài 17.9 m. Tổng diện tích thửa đất chia cho chị T là 748m².

Chị T được sở hữu 01 ngôi nhà ngôi nhà sườn gỗ, phòng lõi mái lợp ngói, móng tường xây đá học, tường bao che bằng gạch, tô trát hoàn chỉnh trị giá 150.000.000 đồng; 01 ngôi nhà bếp trị giá 2.900.000 đồng; 01 giếng nước trị giá 16.064.000 đồng; Sân bê tông diện tích 188,52 m² trị giá 12.030.000 đồng; 01 Nhà vệ sinh trị giá 1.288.000 đồng; Giao cho chị T tình sở hữu 19,5m hàng rào xây bằng gạch, móng đá học, cao 1,36 m trị giá 15.814.000 đồng; 23,2m hàng rào xây bằng gạch, móng đá học, cao 0,9m trị giá 9.409.000 đồng và 39,4 m hàng rào dây thép gai dài trị giá 2.185.000 đồng.

Giao cho anh D được quyền sử dụng thửa đất: có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 284823, thửa đất số 103;117, tờ bản đồ số 45, có tứ cận như sau: Cạnh phía Bắc giáp đất bà Cao Thị Lý dài 324,5m; cạnh phía Nam giáp đất ông Cao

Vũ Quang dài 328,5m; cạnh phía Đông giáp lên đá vôi dài 16,9m; cạnh phía Tây giáp đất ông Cao Xuân Hồng và đất ông Thái Văn Nhung dài 15,5 m. Giá trị thửa đất tại thời điểm định giá là 19.570.000 đồng.

Giao cho anh D được quyền sử dụng 345m² diện tích đất thuộc thửa đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số IA 597736, thửa đất số 40, tờ bản đồ số 29 địa chỉ thôn Tiên phong, xã Trung Hóa, huyện Minh Hóa. Trong đó gồm 100m² đất ở trị giá 3.600.000 đồng và 245 m² đất trồng cây lâu năm có giá trị 4.900.000 đồng, tổng giá trị 8.500.000 đồng. Tờ bản đồ thửa đất được giao cho anh Danh như sau: Cạnh phía Bắc giáp thửa đất được chia cho anh chị Tình dài 42,87m; Cạnh phía Đông giáp đường liên thôn dài 08 m; cạnh phía Nam giáp đường ngõ xóm dài 43,7 m; cạnh phía Tây giáp thửa nhà ông Cao Xuân Giáo dài 17.9 m. Tổng diện tích thửa đất chia cho anh Danh là 345m².

Anh D được sở hữu: 01 tủ nhôm kính đứng trị giá 3.653.000 đồng; 01 xe máy nhãn hiệu SRIUS Biển kiểm soát 73C1 – 02632 trị giá 7.000.000 đồng; 01 tủ bích phê gỗ trị giá 4.375.000 đồng

Anh Danh được sở hữu: 08m hàng rào xây bằng gạch, móng đá dài trị giá 6.488.000 đồng; 43,7m hàng rào dây thép gai dài trị giá 2.423.000 đồng.

Buộc chị Đinh Thị T có nghĩa vụ trả số tiền chênh lệch chia tài sản cho anh D là 70.976.000 đ (bảy mươi triệu chín trăm bảy mươi sáu ngàn đồng)

4. Về khoản vay chung:

Giao chị T có trách nhiệm trả khoản vay tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa số tiền tổng cả gốc và lãi là 52.536.000đ (Năm mươi hai triệu năm trăm ba mươi sáu ngàn đồng) tại sổ vay MKH300087362 vay ngày 09/02/2020.

Giao anh Danh có trách nhiệm trả khoản vay tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Minh Hóa số tiền cả gốc và lãi số tiền là 76.125.000đ (bảy mươi sáu triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng). Tại hợp đồng tín dụng MKH3806258465975 vay ngày 30/9/2016.

5. Về án phí: Chị Cao Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn 300.000 đồng và án phí về nghĩa vụ phân chia tài sản chung là 5.718.652 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Tình đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0004365 ngày 03/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa chị Tình còn phải chịu số tiền án phí là 5.718.652 đ (Năm triệu bảy trăm mười tám ngàn sáu trăm đồng). Anh Danh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ nuôi con theo định kỳ số tiền là 300.000 đồng và án phí về nghĩa vụ phân chia tài sản chung là 2.343.000 đ (Hai triệu ba trăm bốn mươi ba ngàn đồng)

6. Quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trường hợp bên phải thi hành án do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán quy định tại Khoản 2 Điều 357 bộ luật Dân sự mà không có thỏa thuận lãi suất thì thực theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự được xác định mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quá hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự để trả cho bên được thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành.

7. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Tuyên bố nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (21/5/2021), để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Minh Hoá;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Minh Hoá;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- UBND xã Trung Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký)

Trương Quốc Hoàn

